

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28/11/2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Bích Khiếm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Ngọc Cận.

2. Ông Phan Văn Tạo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phước Tài – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/8/2019 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị G**, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TP, xã TT, huyện T, tỉnh S.

- Bị đơn: Ông **Phan Tường B**, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Ấp B2, xã TT, huyện T, tỉnh S.

Địa chỉ: Số 220/1/8 đường D, khóm T, phường B, thành phố S, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 12/8/2019, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị G và ông Phan Tường B tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 22/02/2014. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn trầm trọng là vào tháng 8/2019, nguyên nhân do thường xuyên cãi nhau với lý do ông B thường xuyên nhậu không chăm lo vợ con, từ tháng 8/2019 bà và ông B không chung sống với nhau.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống, Bà Trần Thị G và ông Phan Tường B có một người con tên Phan Khôi N, sinh ngày 21/5/2014.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Nay bà Trần Thị G yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Phan Tường B.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà G yêu cầu nuôi con Phan Khôi N, sinh ngày 21/5/2014, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

- *Đối với bị đơn Phan Tường B*: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Phan Tường B theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, ông B cũng đã nhận được các văn bản mà Tòa án đã tổng đạt nhưng ông không gửi văn bản ghi ý kiến của mình cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ông cũng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không đến tham gia phiên tòa xét xử.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ và tham khảo ý kiến tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng và phòng lao động thương binh và xã hội huyện Thạnh Trị thì nguyên nhân xảy ra tranh chấp giữa bà Trần Thị G và ông Phan Tường B nhưng các cơ quan không nắm rõ.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên bị đơn Phan Tường B không thực hiện đúng theo quy định và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Phan Tường B được cấp tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông Phan Tường B vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Phan Tường B.

[2] Vụ kiện của bà Trần Thị G và ông Phan Tường B là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bà Trần Thị G và ông Phan Tường B cưới nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thanh Tân, huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 22/02/2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị G và ông Phan Tường B là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị G vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông B. Vì bà và ông B thường xuyên cãi nhau và ông B thường xuyên nhậu không chăm lo cho gia đình nên bà và ông B không chung sống với nhau từ tháng 8/2019 cho đến nay. Nay bà G kiên quyết ly hôn. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau như người nào chỉ biết bản thân người đó, bỏ mặc người vợ hoặc người chồng muốn sống ra sao thì sống. Nên mục đích hôn nhân giữa bà Trần Thị G và ông Phan Tường B không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị G.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Trần Thị G và ông Phan Tường B có một người con chung tên Phan Khôi N, sinh ngày 21/5/2014, hiện nay cháu N đang sống với bà G. Bà G yêu cầu được nuôi con. Xét thấy con chung Phan Khôi N hiện nay đang sống với bà G và ông B cũng không có ý kiến gì về việc bà G yêu cầu nuôi con nên xét tiếp tục giao cho bà G chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Phan Khôi N là phù hợp theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung tên Phan Khôi N, sinh ngày 21/5/2014 cho bà G được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

[4] Ông Phan Tường B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị G không yêu cầu Ông Phan Tường B cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Lời đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị G
1/ Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị G được quyền ly hôn với Ông Phan Tường B

2/ Về con chung: Giao con chung tên Phan Khôi N, sinh ngày 21/5/2014 cho bà Trần Thị G được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Phan Tường B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phan Tường B không phải cấp dưỡng nuôi con.

4/ Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

5/ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

6/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị G phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà G đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007789 ngày 12/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Như vậy, bà Trần Thị G đã thực hiện xong.

Bà Trần Thị G có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Ông Phan Tường B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố ST;
- Các đương sự;
- UBND Thạnh Tân, Thạnh Trị;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự thành phố ST;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
đã ký**

Lý Bích Khiêm

